

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 231/2018/HSST
Ngày 12/9/2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Kam Ênuôl

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Xuân Đùng.
2. Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Việt Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 228/2018/HSST ngày 16 tháng 8 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 228/2018/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **QUÝ T**, sinh ngày: 20/5/1997; Tại tỉnh: Thừa Thiên Huế;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: 17/38, đường N, phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Xe thô; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật Giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bảo N (đã chết) và con bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1965, hiện trú tại: Thành phố P, tỉnh Bình Thuận; Có vợ tên là Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm: 1999 và có 01 con là Quý Quỳnh N, sinh năm 2018. Hiện đều trú tại: 17/38, đường N, phường T, thành phố B.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/6/2018, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Buôn Ma Thuột - Có mặt;

Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Siu Đình Đ – Sinh năm 1998

Địa chỉ: 82/02, đường M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Minh L–Sinh năm 1956

Địa chỉ: 45/02/17, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Văng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quý T là đối tượng nghiện ma túy. Khoảng 22h00’ ngày 11/6/2018, T đi đến khu vực cuối đường Y, thành phố B gặp đối tượng tên H (chưa rõ nhân thân, lai lịch) hỏi mua ma túy với số tiền 1.500.000đ thì H đồng ý bán ma túy cho T và cho thêm 01 gói ma túy nhỏ. Sau khi mua được ma túy, T bỏ ma túy vào trong túi quần phía trước đang mặc rồi mang về nhà mình tại: 17/38 đường N, phường T, thành phố B cất giấu. Đến khoảng 09h30’ ngày 13/6/2018, khi T đang ở nhà chuẩn bị sử dụng ma túy thì bị Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Buôn Ma Thuột kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và thu giữ: 02 gói nylon đều chứa chất rắn dạng tinh thể, T khai là ma túy đá đã niêm phong theo quy định.

Tại bản kết luận giám định số: 542/GĐMT-PC54 ngày 18/6/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chất rắn dạng tinh thể đựng trong 02 gói nylon thu giữ của Quý T được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại ma túy Methamphetamine, khối lượng 1,9443 gam.

Tại bản cáo trạng số 236/CT-VKS ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Quý T về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã khai tại Cơ quan điều tra, cũng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã truy tố.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng số 236/CT-VKS ngày 15 tháng 8 năm 2018, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Quý T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt: Quý T từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù.

* Các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu, tiêu hủy 1,8419 gam Methamphetamine mẫu vật còn lại sau giám định được niêm phong tại gói số 542/GĐMT-PC54 ngày 18/6/2018 và 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy là tang vật của vụ án;

- Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động hiệu Nokia 6300, màu vàng kèm theo số thuê bao 0908.160.556 là tài sản riêng của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

Bị cáo Quý T không có ý kiến tranh luận gì thêm chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến việc quản lý độc quyền của Nhà nước về ma túy, đồng thời còn gây mất ổn định trị an xã hội. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo nhận thức được rằng, ma túy là loại độc được gây nghiện nên Nhà nước độc quyền quản lý và nghiêm cấm mọi hành vi sản xuất, tàng trữ, mua bán, vận chuyển, chiếm đoạt và sử dụng trái phép. Song do lối sống buông thả, không lành mạnh, nghiện ngập, nên vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 13/6/2018, tại 17/38 N, phường T, thành phố B Quý T đã có hành vi tàng trữ 1,9443 gam ma túy loại Methamphetamine với mục đích sử dụng, thì bị Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Buôn Ma Thuột phát hiện, bắt quả tang.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã truy tố, phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

[2]. Lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, chứng minh đầy đủ các tình tiết liên quan đến hành vi phạm tội, cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, như vậy quyết định truy tố bị cáo Quý T về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Quý T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam.

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội,

là nguyên nhân dẫn đến các tệ nạn xã hội khác, làm tổn hại giống nòi và còn là nguyên nhân dẫn đến làm lan truyền các căn bệnh xã hội, trong đó có đại dịch HIV/AIDS. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, có như vậy mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung trong toàn xã hội.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Quý T, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã ra quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo là phù hợp.

Đối với hành vi của đối tượng nam giới tên H bán ma túy cho bị cáo, hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xác minh nhân thân, lai lịch đối tượng nhưng chưa có kết quả nên tách hành vi của đối tượng trên ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh làm rõ.

Đối với chị Nguyễn Thị Mỹ D quá trình điều tra xác định việc bị cáo T tàng trữ trái phép chất ma túy chị D không biết nên không đề cập xử lý.

[3]. Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng cho bị cáo trong khi lượng hình, để giảm nhẹ một phần hình phạt, đồng thời thể hiện được chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

[4]. Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu, tiêu hủy 1,8419 gam Methamphetamine mẫu vật còn lại sau giám định được niêm phong tại gói số 542/GĐMT-PC54 ngày 18/6/2018 và 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy là tang vật của vụ án;

Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động hiệu Nokia 6300, màu vàng kèm theo số thuê bao 0908.160.556 là tài sản riêng của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

[5]. Về hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình thực hiện các quyết định điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Quý T không xuất trình thêm chứng cứ tài liệu gì, bị cáo cũng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[6]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015

Tuyên bố bị cáo Quý T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt: Bị cáo **Quý T** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/6/2018.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu, tiêu hủy 1,8419 gam Methamphetamine mẫu vật còn lại sau giám định được niêm phong tại gói số 542/GĐMT-PC54 ngày 18/6/2018 và 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy là tang vật của vụ án;

- Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động hiệu Nokia 6300, màu vàng kèm theo số thuê bao 0908.160.556 là tài sản riêng của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

(Tang vật có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Công an thành phố Buôn Ma Thuột và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột ngày 17/8/2018).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Quý T phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THA DS Tp. B;
- Chánh án TAND Tp. B;
- Bị cáo;
-;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Y Kam Ênuôl

Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Y Kam Ênuôl

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THA DS Tp. BMT;
- Chánh án TAND Tp. BMT;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

H’NĂM BKRÔNG

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

H’Năm Bkrông

H'Năm Bkrông

